

Số: /TB-MN

Nghĩa Đô, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai điều kiện chất lượng giáo dục mầm non (Điều 6, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (gọi tắt là Thông tư số 09).

Công văn số 982/SGD&ĐT-QLCL ngày 24/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai về việc tăng cường thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường Mầm non Nghĩa Đô thông báo công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non của nhà trường năm học 2025 – 2026 và kết quả đạt được năm học 2024 - 2025 như sau:

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 34. Trong đó:

+ CBQL: 03; Đại học: 02; Cao đẳng: 01.

+ Giáo viên: 23, Đại học: 22; Cao đẳng: 01.

+ Nhân viên: 08 (Nhân viên bảo vệ: 01; nhân viên cấp dưỡng: 07 -> Nhân viên bảo vệ, cấp dưỡng chưa qua trình độ đào tạo). Nhân viên cấp dưỡng được khám sức khỏe và tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm)

- Nhà trường đã kiện toàn và phân công nhiệm vụ các tổ bộ phận và cá nhân theo vị trí việc làm phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Trong đó tỷ lệ giáo viên/lớp: 23 giáo viên/11 lớp đạt 2,09 giáo viên/lớp.

Quyết định số 02/QĐ-MN ngày 02/08/2025 của trường MN Nghĩa Đô phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2025 - 2026 tải trên trang web <http://mnnghiado.pgdbaoyen.edu.vn>.

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Nhà trường có 100% CBQL, giáo viên tự đánh giá, được đánh giá chuẩn nghề nghiệp, trong đó có 100% cán bộ được đánh giá xếp loại tốt, từ 100% giáo viên, nhân viên ở mức khá trở lên.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chuẩn nghề nghiệp
-----	----------	---------	------------------	----------------------------	-------------------

			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	C.Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34			24	2	0	0		24	2	06	20		
I	Giáo viên	23			22	1				22	2	03	20		
1	Nhà trẻ	5			4	1				5			05		
2	Mẫu giáo	18			18					16	2	15	03		
II	Cán bộ quản lý	3			3					3		3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			1	1				2		2			
III	Nhân viên	08						8				0			
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên cấp dưỡng	7						7							
6	Nhân viên bảo vệ	1						1							

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

29/29 CBQL, giáo viên, nhân viên trong trường tham gia bồi dưỡng chuyên môn hè do Phòng GD&ĐT và nhà trường tổ chức. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên và tổ chức cho 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng các modul theo kế hoạch.

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m²/trẻ em

II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	11	2,01m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8,619m²	35m²/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3,509m²	14,3m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	708m²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	495m²	2,01m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	120m²	0,48m ² /trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	250m²	1,01m ² /trẻ
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	60 m²	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	60m²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	130m²/03 bếp	0,53m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	6	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	5	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	21	Trung tâm: 07 bộ Thâm Mạ: 05 bộ Lăng Đáp: 04 bộ
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập	8	
1	Máy tính bàn	06	
2	Máy in	06	
3	Máy tính xách tay cá nhân	26	
4	Ti vi	20	
5	Điều hòa	1	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	01	
6	Đầu Video/đầu đĩa	01	
7	Bàn ghế đúng quy cách	- Bàn: 150 - Ghế: 287	- 2 trẻ/bàn - 1 trẻ/ghế

Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Nhà trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT- BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành tiêu chuẩn về cơ sở vật chất trong trường mầm non. Khối phòng hành chính quản trị được bố trí tại dãy nhà gồm: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị; 01 văn phòng nhà trường; 01 phòng dành cho nhân viên, 01 phòng bảo vệ; 02 khu vệ sinh cho giáo viên và 03 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Khối phụ trợ gồm: 01 phòng họp, 01 phòng y tế, 01 nhà kho. Các phòng đều có trang thiết bị tối thiểu để làm việc gồm có máy vi tính và các phương tiện làm việc được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc sử dụng.

- Có 11 nhóm lớp tương ứng với 11 phòng sinh hoạt chung, được dùng để tổ chức các hoạt động học, ăn, ngủ cho trẻ tại các điểm trường, đảm bảo đủ mỗi lớp một phòng theo quy định tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT Ban hành Điều lệ trường mầm non. Khu trung tâm có 07 phòng sinh hoạt chung tương ứng với 07 nhóm, lớp. Điểm trường Thâm Mạ có 03 phòng sinh hoạt chung tương ứng với 03 nhóm lớp. Điểm trường Lăng Đáp có 01 phòng sinh hoạt chung tương ứng với 01 nhóm, lớp. Phòng hỗ trợ học tập: phòng giáo dục thể chất + nghệ thuật, phòng đa năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; phòng tin học; phòng thư viện.

- Có 03 bếp ăn/03 điểm trường được xây dựng bán kiên cố, kiên cố, tổ chức nấu ăn cho 100% số trẻ trong toàn trường. Bếp trung tâm được xây dựng và hoạt động theo quy trình vận hành bếp ăn một chiều; bếp ăn tại 02 điểm trường Thâm Mạ, Lăng Đáp được sắp xếp và vận hành theo quy trình một chiều: khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn. Các khu vực của bếp ăn thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, sắp xếp đồ dùng nấu ăn, lương thực, thực phẩm gọn gàng, ngăn nắp. Bếp ăn nhà trường đảm bảo theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

11/11 nhóm, lớp có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu, phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 về ban hành danh mục đồ dùng,

đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: Lớp nhà trẻ có 81/95 danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có từ 68/104 danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi có 99/117 danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi có 93/114 danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi trở lên. Giáo viên các nhóm lớp bảo quản, quản lý và sử dụng hiệu quả vào các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Đồ chơi, đồ dùng được đưa về các nhóm, các góc để trẻ được chơi theo đúng chủ đề, được sử dụng trong các hoạt động khác nhau.

Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác

03/03 điểm trường có đồ chơi ngoài trời theo Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và thiết bị, đồ chơi ngoài danh mục quy định của nhà trường như: Bàn học, các con giống, hoa quả, sách truyện làm từ vải nỉ, các loại cây xanh bằng nỉ và xấp màu, các bức tranh từ hạt, lá cây.... Đồ dùng, đồ chơi được khai thác và sử dụng thường xuyên; phát huy tối đa trong các hoạt động học, hoạt động vui chơi. Giáo viên sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi có hiệu quả khi tổ chức tiết dạy, trong các giờ chơi hoạt động góc, hoạt động ngoài trời đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục giúp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường đã kiện toàn Hội đồng tự đánh giá và hoàn thành công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng. Sắp xếp, bổ sung minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn (theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018).

Nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường đã và đang tiếp tục tham mưu với các cấp Đảng ủy, chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong năm học.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá, đăng kí số số 01/CVĐKĐGN-MN ngày 14/11/2024 của trường MN Nghĩa Đô, về việc đăng kí đánh giá ngoài năm học 2024-2025. Sở GD&ĐT thành lập đoàn đánh giá ngoài, khảo sát, kiểm tra đánh giá chất lượng hồ sơ, khảo sát thực tế vào ngày 24,25/12/2024; và được công nhận duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng mức độ 2 theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Lào Cai đăng tải trên trang web <http://mnnghiado.pgdbaoyen.edu.vn>.

Trên đây là nội dung công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non của Trường Mầm non Nghĩa Đô năm học 2025 - 2026./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- CBGVNV nhà trường;
- Phụ huynh, HS;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đường Thị Lệ Thủy